**Tiếng Việt 6**

**LUYỆN TẬP VỀ VỊ NGỮ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được vị ngữ trong câu và ý nghĩa của chúng

- Biết viết câu có vị ngữ để giới thiệu, nêu hoạt động hoặc miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Sử dụng vị ngữ trong nói và viết

- HSKT đặt được câu có vị ngữ dùng để giới thiệu, nhận xét.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kiến thức về vị ngữ để đặt câu, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Những bông hoa đẹp” để khởi động bài học.  - GV chuẩn bị 3 bông hoa, ẩn bên trong là 3 khổ thơ và 1 câu hỏi: 1. Vị ngữ dùng để làm gì?2. Đặt một câu về lòng nhân ái và tìm vị ngữ của câu đó.3. Đặt 1 câu có vị ngữ kể về hoạt động của sự vật được nêu ở chủ ngữ và tìm vị ngữ của câu đó - GV mời HS tham gia trò chơi bằng cách xung phong, ai bốc được bông hoa nào thì đọc diễn cảm khổ thơ đó và trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: ở bài 11, các em đã được học và luyện tập về vị ngữ. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục luyện tập về thành phần quan trọng này của câu nhé. | - HS lắng nghe GV giới thiệu trò chơi.  - HS quan sát và lắng nghe cách chơi.  - vị ngữ là thành phần chính của câu, dùng để:  a, giới thiệu, nhận xét về sự vật được nêu ở chủ ngữ (trả lời câu hỏi *Là gì*?).  b, kể hoạt động của sự vật được nêu ở chủ ngữ (trả lời câu hỏi *Làm gì*?).  c, miêu tả đặc điểm, ấy trạng thái của sự vật được nêu ở chủ ngữ (trả lời câu hỏi *Thế nào*?).  - HS đặt câu  - HS xung phong tham gia trò chơi | |
| **2. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được vị ngữ trong câu và ý nghĩa của chúng  + Biết viết câu có vị ngữ để giới thiệu, nêu hoạt động hoặc miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật.  + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Sử dụng vị ngữ trong nói và viết  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài tập 1 Tìm vị ngữ trong các câu**  - GV mời HS đọc yêu cầu của bài 1.  - GV y/c HS làm việc cá nhân viết VBT  - GV mời HS trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  - HS thực hiện  - HS nối tiếp trình bày bài làm.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  a, Lương Định Của **là một nhà nông học xuất sắc và là cha đẻ của nhiều giống cây trồng mới**… ông **là người đầu tiên ứng dụng một cách sáng tạo các kỹ thuật canh tác của nước ngoài vào việc trồng lúa ở Việt Nam.**  b, Mặt hồ **lăn tăn gợn nước, óng ánh mầu nắng.** Những cơn gió **lạnh nhẹ nhàng đưa sóng đánh vào bờ**. Đàn vịt **vẫn nhởn nhơ trôi**… cô bé **cất tiếng cười giòn tan.** Chuỗi cười **lan lan theo sóng nước đẩy vang đi thật xa.** |
| **Bài tập 2: xác định ý nghĩa của các vị ngữ. (làm việc cá nhân)**  - GV mời HS đọc yêu cầu của bài.  - GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào VBT    - GV nhận xét, tuyên dương chung. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  + HS làm bài vào VBT.  - HS nối tiếp trình bày bài làm theo hình thức truyền điện  a, vị ngữ giới thiệu phẩi nhận xét về sự vật được nêu ở chủ ngữ: là một nhà nông học xuất sắc và là cha đẻ của nhiều giống cây trồng mới; là người đầu tiên ứng dụng một cách sáng tạo các kỹ thuật canh tác của nước ngoài và việc trồng lúa ở Việt Nam.  b, vị ngữ kể hoạt động của sự vật được nêu ở chủ ngữ: cất tiếng cười giòn tan.  c, vị ngữ miêu tả đặc điểm phải trạng thái của sự vật được nêu ở chủ ngữ: lăn tăn gợn nước, à óng ánh mầu nắng; nhẹ nhàng đưa sóng đánh vào bờ; vẫn nhởn nhơ trôi; lan lan theo sóng nước phải vang đi thật xa.  - HS khác lắng nghe, nhận xét. |
| **Bài tập 3: xác định ý nghĩa của các vị ngữ. (làm việc cá nhân)**  - GV mời HS đọc yêu cầu của bài.  - GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào VBT    - GV nhận xét, tuyên dương chung. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.  + HS làm bài vào VBT.  - HS nối tiếp trình bày bài làm theo hình thức truyền điện  a, Câu giới thiệu về đoàn tàu: Đây là đoàn tàu thống nhất.  b, Câu kể hoạt động của người soát vé: Người soát vé đang kiểm tra vé của hành khách trước khi lên tàu./ Câu kể hoạt động của hành khách đi tàu: Khách đang đưa vé cho người soát vé kiểm tra.  c, Câu miêu tả đặc điểm của đoàn tàu: Đoàn tàu rất dài./ Câu miêu tả đặc điểm của cảnh đẹp hai bên đường: Cảnh 2 bên đường tàu rất đẹp.  - HS khác lắng nghe, nhận xét. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: Sử dụng vị ngữ trong nói và viết  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “truyền điện”: đặt câu và nêu thành phần vị ngữ trong câu đó và cho biết vị ngữ dùng để làm gì?  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |